

1974 Year of Tiger				H1 E3	甲寅	Male Gua: 8 阳男艮卦				Female Gua: 7 阴女兑卦				Na Yin: Water 纳音属水				Yearly FS 8 年星八白					
1st Month 寅月				2nd Month 卯月				3rd Month 辰月				4th Month 巳月				5th Month 午月				6th Month 未月			
FS	H3	丙	星	FS	H4	丁	星	FS	H5	戊	星	FS	H6	己	星	FS	H7	庚	星	FS	H8	辛	星
2	E3	寅	二	1	E4	卯	一	9	E5	辰	九	8	E6	巳	八	7	E7	午	七	6	E8	未	六
立春 13:00hrs				惊蛰 07:07hrs				清明 12:05hrs				立夏 05:34hrs				芒种 09:52hrs				小暑 20:11hrs			
Mth	Day	HS	干支	Mth	Day	HS	干支	Mth	Day	HS	干支	Mth	Day	HS	干支	Mth	Day	HS	干支	Mth	Day	HS	干支
2	4	H3	丙子	3	6	H3	丙午	4	5	H3	丙子	5	6	H4	丁未	6	6	H5	戊寅	7	7	H6	己酉
2	5	H4	丁丑	3	7	H4	丁未	4	6	H4	丁丑	5	7	H5	戊申	6	7	H6	己卯	7	8	H7	庚戌
2	6	H5	戊寅	3	8	H5	戊申	4	7	H5	戊寅	5	8	H6	己酉	6	8	H7	庚辰	7	9	H8	辛亥
2	7	H6	己卯	3	9	H6	己酉	4	8	H6	己卯	5	9	H7	庚戌	6	9	H8	辛巳	7	10	H9	壬子
2	8	H7	庚辰	3	10	H7	庚戌	4	9	H7	庚辰	5	10	H8	辛亥	6	10	H9	壬午	7	11	H10	癸丑
2	9	H8	辛巳	3	11	H8	辛亥	4	10	H8	辛巳	5	11	H9	壬子	6	11	H10	癸未	7	12	H1	甲寅
2	10	H9	壬午	3	12	H9	壬子	4	11	H9	壬午	5	12	H10	癸丑	6	12	H1	甲申	7	13	H2	乙卯
2	11	H10	癸未	3	13	H10	癸丑	4	12	H10	癸未	5	13	H1	甲寅	6	13	H2	乙酉	7	14	H3	丙辰
2	12	H1	甲申	3	14	H1	甲寅	4	13	H1	甲申	5	14	H2	乙卯	6	14	H3	丙戌	7	15	H4	丁巳
2	13	H2	乙酉	3	15	H2	乙卯	4	14	H2	乙酉	5	15	H3	丙辰	6	15	H4	丁亥	7	16	H5	戊午
2	14	H3	丙戌	3	16	H3	丙辰	4	15	H3	丙戌	5	16	H4	丁巳	6	16	H5	戊子	7	17	H6	己未
2	15	H4	丁亥	3	17	H4	丁巳	4	16	H4	丁亥	5	17	H5	戊午	6	17	H6	己丑	7	18	H7	庚申
2	16	H5	戊子	3	18	H5	戊午	4	17	H5	戊子	5	18	H6	己未	6	18	H7	庚寅	7	19	H8	辛酉
2	17	H6	己丑	3	19	H6	己未	4	18	H6	己丑	5	19	H7	庚申	6	19	H8	辛卯	7	20	H9	壬戌
2	18	H7	庚寅	3	20	H7	庚申	4	19	H7	庚寅	5	20	H8	辛亥	6	20	H9	壬辰	7	21	H10	癸亥
2	19	H8	辛卯	3	21	H8	辛酉	4	20	H8	辛卯	5	21	H9	壬戌	6	21	H10	癸巳	7	22	H1	甲子
2	20	H9	壬辰	3	22	H9	壬戌	4	21	H9	壬辰	5	22	H10	癸亥	6	22	H1	甲午	7	23	H2	乙丑
2	21	H10	癸巳	3	23	H10	癸亥	4	22	H10	癸巳	5	23	H1	甲子	6	23	H2	乙未	7	24	H3	丙寅
2	22	H1	甲午	3	24	H1	甲子	4	23	H1	甲午	5	24	H2	乙丑	6	24	H3	丙申	7	25	H4	丁卯
2	23	H2	乙未	3	25	H2	乙丑	4	24	H2	乙未	5	25	H3	丙寅	6	25	H4	丁酉	7	26	H5	戊辰
2	24	H3	丙申	3	26	H3	丙寅	4	25	H3	丙申	5	26	H4	丁卯	6	26	H5	戊戌	7	27	H6	己巳
2	25	H4	丁酉	3	27	H4	丁卯	4	26	H4	丁酉	5	27	H5	戊辰	6	27	H6	己亥	7	28	H7	庚午
2	26	H5	戊戌	3	28	H5	戊辰	4	27	H5	戊戌	5	28	H6	己巳	6	28	H7	庚子	7	29	H8	辛未
2	27	H6	己亥	3	29	H6	己巳	4	28	H6	己亥	5	29	H7	庚午	6	29	H8	辛丑	7	30	H9	壬申
2	28	H7	庚子	3	30	H7	庚午	4	29	H7	庚子	5	30	H8	辛亥	6	30	H9	壬寅	7	31	H10	癸酉
3	1	H8	辛丑	3	31	H8	辛未	4	30	H8	辛丑	5	31	H9	壬申	7	1	H10	癸卯	8	1	H1	甲戌
3	2	H9	壬寅	4	1	H9	壬申	5	1	H9	壬寅	6	1	H10	癸酉	7	2	H1	甲辰	8	2	H2	乙亥
3	3	H10	癸卯	4	2	H10	癸酉	5	2	H10	癸卯	6	2	H1	甲戌	7	3	H2	乙巳	8	3	H3	丙子
3	4	H1	甲辰	4	3	H1	甲戌	5	3	H1	甲辰	6	3	H2	乙亥	7	4	H3	丙午	8	4	H4	丁丑
3	5	H2	乙巳	4	4	H2	乙亥	5	4	H2	乙巳	6	4	H3	丙子	7	5	H4	丁未	8	5	H5	戊寅
								5	5	H3	丙午	6	5	H4	丁丑	7	6	H5	戊申	8	6	H6	己卯
																				8	7	H7	庚辰